

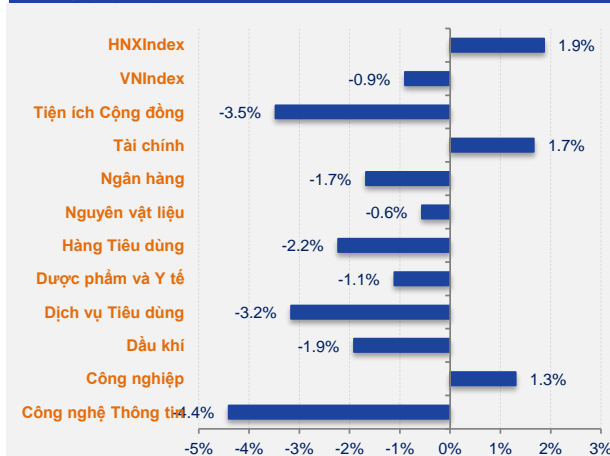


WEEKLY WRAP

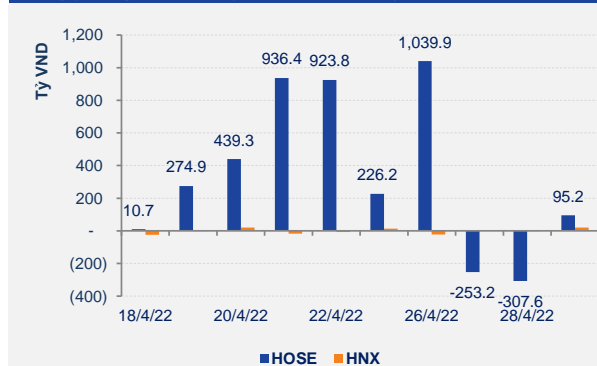
Tuần GD: 25/4/2022 - 29/4/2022

| Index Tuần | HOSE | +/- | HNX | +/- |
|---------------------------------|-----------|----------|-----------|----------|
| Thống kê thị trường | | | | |
| Index | 1,366.80 | ↓ -0.9% | 365.83 | ↑ 1.9% |
| KLGD (trCP) | 3,094.01 | ↓ -19.9% | 453.53 | ↓ -14.6% |
| GTGD (tỷ VND) | 89,611.79 | ↓ -23.9% | 10,311.61 | ↓ -19.1% |
| Tổng cung (trCP) | 6,339.64 | ↓ -22.5% | 518.90 | ↓ -24.2% |
| Tổng cầu (trCP) | 7,389.00 | ↓ -10.0% | 543.47 | ↓ -3.5% |
| Giao dịch NĐT nước ngoài | | | | |
| KL mua (trCP) | 269.36 | ↓ -13.6% | 3.83 | ↑ 9.6% |
| KL bán (trCP) | 250.27 | ↑ 21.7% | 3.04 | ↓ -23.1% |
| GT mua (tỷ VND) | 11,758.75 | ↑ 2.8% | 83.56 | ↑ 0.2% |
| GT bán (tỷ VND) | 10,958.32 | ↑ 23.8% | 70.44 | ↓ -39.0% |

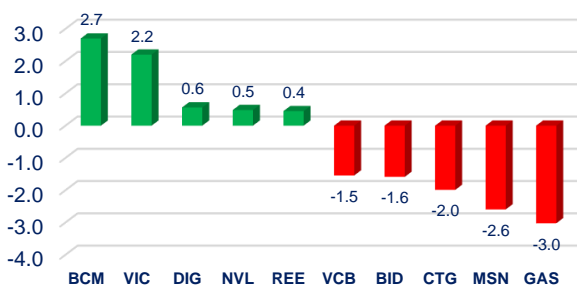
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Thị trường có tuần giảm điểm thứ tư liên tiếp với thanh khoản suy giảm so với tuần trước đó và đã là tuần thứ bảy liên tiếp thấp hơn mức trung bình 20 tuần.

Kết thúc tuần giao dịch, VN-Index giảm 12,43 điểm (-0,9%) xuống 1.366,8 điểm, HNX-Index tăng 6,71 điểm (+1,9%) lên 365,83 điểm. Giá trị giao dịch trên HOSE giảm 23,9% so với tuần trước đó với 89.612 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 19,9% xuống 3.094 triệu cổ phiếu. Giá trị giao dịch trên HNX giảm 19,1% so với tuần trước đó với 10.312 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 14,6% xuống 454 triệu cổ phiếu.

Thị trường giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với 5% giá trị vốn hóa nhưng nhanh chóng hồi phục trong 3/4 phiên cuối tuần để kết tuần với mức giảm nhẹ.

Nhóm cổ phiếu công nghệ thông tin có mức giảm mạnh nhất trong tuần qua với 4,4% giá trị vốn hóa khi các nhà đầu tư chốt lời mạnh mẽ, các mã tiêu biểu như FPT (-4,9%), CMG (-6,3%)...

Tiếp theo là nhóm tiện ích cộng đồng với mức giảm 3,5% với các cổ phiếu tiêu biểu như GAS (-6,1%), POW (-1,1%)...

Nhóm dịch vụ tiêu dùng giảm 3,2% giá trị vốn hóa do sự sụt giảm của các cổ phiếu hàng không như VJC (-5,4%), HVN (-0,9%)... và các cổ phiếu bán lẻ như MWG (-5%), DGW (-1,7%)...

Cổ phiếu hàng tiêu dùng cũng có mức sụt giảm tương đối với 2,2% giá trị, nguyên nhân chủ yếu đến từ các mã trụ cột như VNM (-1,7%), SAB (-5,5%)...

Ngành trụ cột thị trường là ngân hàng cũng giảm 1,7% tạo ra áp lực điều chỉnh lên thị trường, có thể kể đến VCB (-1,9%), BID (-2,9%), CTG (-4,8%), TCB (-2,2%), MBB (-1%)...

Các ngành dầu khí (-1,9%), dược phẩm và y tế (-1,1%), nguyên vật liệu (-0,6%) cũng đồng loạt điều chỉnh.

Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu ngành tài chính (+1,7%) và công nghiệp (+1,3%) tăng giá để hỗ trợ thị trường.

Khối ngoại có động thái tích cực khi tiếp tục mua ròng hơn 800 tỷ đồng trên hai sàn. Xét về khối lượng, SBT là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 5,9 triệu cổ phiếu và HDB với 3,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là OCB với 3,8 triệu cổ phiếu và NVL với 2,1 triệu cổ phiếu.

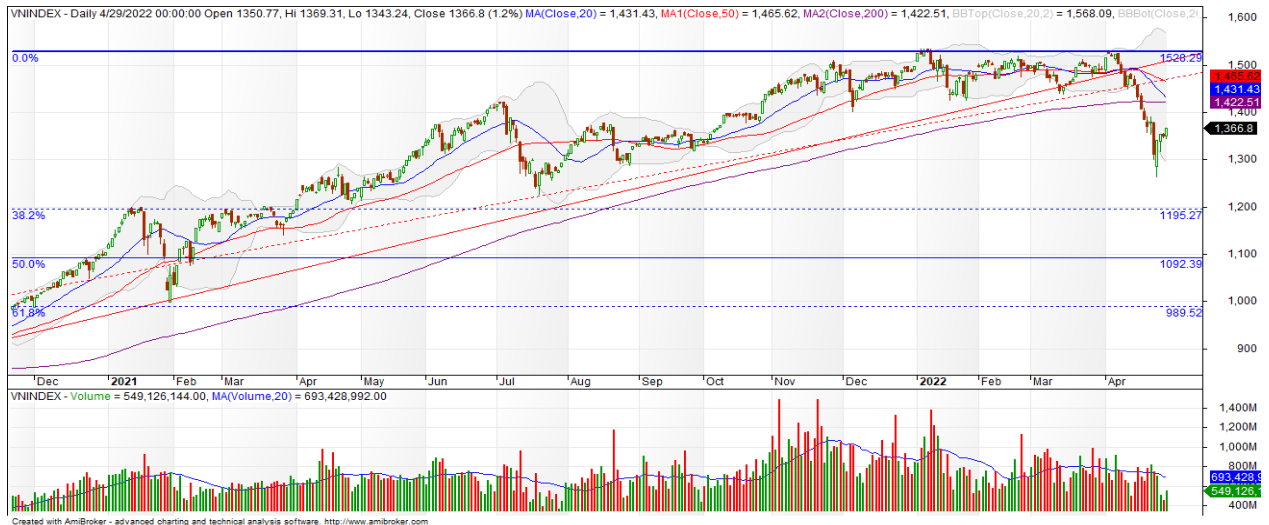
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở từ 1 đến 13 điểm cho thấy các trader vẫn đang nghiêng về khả năng thị trường có thể điều chỉnh trong thời gian tới.

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/4/2022 - 29/4/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index điều chỉnh trong tuần thứ tư liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với tuần trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 tuần gần nhất. Kết hợp với diễn biến trong tuần thì có thể thấy là áp lực bán ra đã tăng vọt ngay từ đầu tuần nhưng lực cầu sau đó ở quanh ngưỡng hỗ trợ 1.270 điểm (MA20 tháng) đã giúp chỉ số dần hồi phục trở lại về cuối tuần.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Chỉ khi VN-Index giảm mạnh và đánh mất ngưỡng hỗ trợ quanh 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) thì mới xác nhận là kết thúc sóng này.

Với tuần giảm nhẹ vừa qua (-0,9%) thì chỉ số VN-Index vẫn kết tuần trên ngưỡng 1.350 điểm nên khả năng để thị trường trong tuần tới vẫn được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, hiệu ứng "sell in may" trong tuần tới có thể khiến thị trường gặp khó khăn.

Dự báo, trong tuần giao dịch tiếp theo 4/5-6/5, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với mục tiêu tiếp theo của chỉ số là ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về ngưỡng hỗ trợ quanh 1.350 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm tuần thứ tư liên tiếp với mức giảm nhẹ 0,9%, lực cầu gia tăng sau phiên giảm mạnh hôm thứ 2 (25/4) đã giúp chỉ số VN-Index hồi phục trong 3/4 phiên còn lại để kết tuần với mức giảm nhẹ. Tuy nhiên, thanh khoản lại có sự suy giảm nhưng trong bối cảnh trước kỳ nghỉ lễ kéo dài 4 ngày thì điều này là khá bình thường và đã xảy ra trước đó.

Sau bốn tuần giảm liên tiếp thì định giá của thị trường đã về mức tương đối hấp dẫn với P/E VN-Index khoảng 15 lần xấp xỉ mức trung bình 5 năm và P/E của VN30 là khoảng hơn 14 lần thậm chí còn thấp hơn mức trung bình 5 năm. Do đó, đây có thể coi là cơ hội cho các nhà đầu tư dài hạn theo trường phái đầu tư giá trị.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật cũng đang ủng hộ cho việc thị trường hồi phục với việc VN-Index vẫn kết tuần được trên ngưỡng 1.350 điểm nên vẫn có khả năng chỉ số có thể đi tiếp sóng tăng 5 để hướng đến mục tiêu theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

Rủi ro hiện tại có lẽ chỉ đến từ tâm lý nhà đầu tư với câu nói nổi tiếng được truyền tai trên thị trường "sell in may and go away". Tuy nhiên, với việc trong tháng 4, VN-Index đã giảm 8,4% thì chúng tôi cho rằng khả năng giảm tiếp trong tháng 5 là khó có thể xảy ra.

Do đó, trong tuần giao dịch tiếp theo 4/5-6/5, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với mục tiêu tiếp theo của chỉ số là ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 25/4/2022

-

29/4/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|---------------------------|---------------------------|---|
| | | | | | P/E | T.trưởng Doanh thu TTM | T.trưởng Lợi nhuận TTM | |
| NKG | 37.35 | 36-37.5 | 45-48 | 32 | 3.3 | 47.4% | 59.0% | Giải ngân tích lũy khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 36-37 |
| PVS | 24.6 | 23.5-25 | 29-30 | 22 | 19.6 | -29.6% | -3.7% | Giải ngân tích lũy khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 24+- |
| VSC | 48.65 | 46.7-48 | 58-59 | 42 | 16.4 | 12.0% | 46.0% | Giải ngân khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 48+- |
| CTS | 25.2 | 24-25.4 | 30-32 | 22 | 7.2 | 43.1% | 44.4% | Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi rung lắc, điều chỉnh vùng hỗ trợ ngắn 24.5+- |
| DHC | 80.6 | 81-82 | 95 | 75 | 11.7 | 44.2% | 22.8% | Nên tích lũy tốt, mua khi bùng nổ trên nền |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|---|
| 27/04/2022 | PVT | 20.3 | 19 | 23-23.7 | 18 | 6.84% | Vận động tốt sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 27/04/2022 | PAN | 25.6 | 25 | 30-31 | 24 | 2.40% | Vận động tốt sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 27/04/2022 | PLC | 34 | 31.7 | 36-38 | 29 | 7.26% | Vận động tốt sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 27/04/2022 | SAM | 13.45 | 11.6 | 14-14.5 | 10 | 15.95% | Vận động tốt sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 28/04/2022 | CTG | 27.75 | 28 | 27.5-28.5 | 26 | -0.89% | Điều chỉnh nhẹ sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 28/04/2022 | BSR | 21.6 | 21.4 | 24-25 | 19.5 | 0.93% | Vận động tốt sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 28/04/2022 | HPG | 43.3 | 42.7 | 51-53 | 40 | 1.41% | Vận động tốt sau điểm mua, tiếp tục nắm giữ |
| 29/04/2022 | CSV | 52.6 | 50 | 60-62 | 47 | 5.20% | Giải ngân giá 50 |
| 29/04/2022 | PTB | 110.5 | 109 | 119-122 | 100 | 1.38% | Giải ngân giá 109 |

TIN VÍ MÔ
CPI tháng 4 tăng 2,64% so với cùng kỳ

Theo Tổng cục Thống kê, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng theo giá nguyên liệu đầu vào sản xuất; dịch vụ giáo dục tăng trở lại tại một số địa phương sau thời gian miễn giảm học phí; giá ăn uống ngoài gia đình và dịch vụ du lịch tăng theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2022 tăng.

Lần đầu tiên số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 15.000

Số doanh nghiệp tham gia thị trường trong tháng 4 gấp hơn 2 lần so với doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm đạt 49.600, tăng hơn 12% so với cùng kỳ 2021. Các giải pháp điều hành chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã tạo được niềm tin cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

TPHCM: 'Lạm phát có tín hiệu bắt đầu'

Tỷ lệ giải ngân rất thấp, giá cả nhiều mặt hàng đồng loạt gia tăng đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động phục hồi kinh tế. Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư cho rằng lạm phát có tín hiệu bắt đầu trên địa bàn TPHCM.

Các bước đi, giải pháp đã nhận được sự ủng hộ của thị trường, nhà đầu tư, doanh nghiệp và đang bước đầu có hiệu quả

Trong tuần qua, Thủ tướng đã chủ trì hội nghị về thị trường vốn trên tinh thần làm lành mạnh hóa thị trường, không để sai phạm của một thiểu số làm ảnh hưởng đến đa số các nhà đầu tư làm ăn chân chính, không hình sự hóa quan hệ dân sự - kinh tế nhưng kiên quyết xử lý những vi phạm để bảo vệ những người làm ăn chân chính, công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, thực hiện mọi biện pháp cần thiết với bước đi, lộ trình phù hợp để thị trường phát triển an toàn, minh bạch, hiệu quả, bền vững.

Chưa thể công bố đại dịch kết thúc'

7 ngày gần đây, Bộ Y tế ghi nhận trung bình hơn 9.000 ca nhiễm một ngày, giảm 16% so với trung bình 7 ngày trước đó. Phó Giáo sư Trần Đắc Phu cho rằng số ca nhiễm giảm nhưng chưa đáp ứng điều kiện để công bố hết dịch Covid-19. Khi còn công bố dịch, Nhà nước và ngành y tế có thể linh hoạt đưa ra các biện pháp nhằm chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho người dân.

TIN DOANH NGHIỆP

Lãi ròng Digiworld quý I gần gấp đôi cùng kỳ 2021 nhờ nhu cầu mua sắm cao trong dịp Tết

Doanh thu thuần của Digiworld đạt 7.009 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ 2021.
Lãi sau thuế đạt 211 tỷ đồng, tăng 97% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 26% kế hoạch năm.

Vinhomes lãi ròng 4.540 tỷ đồng quý I

Doanh thu quý I chủ yếu đến từ việc bàn giao bất động sản để ở tại ba đại dự án Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Smart City và Vinhomes Grand Park.

MWG sẽ trả cổ tức tỷ lệ 110% trong tháng 6 và 7

Doanh nghiệp sẽ chi 732,2 tỷ đồng để trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10% và phát hành 732,2 triệu cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 1:1.
Thời điểm trả cổ tức tiền mặt trong tháng 6 và cổ phiếu trong tháng 6 hoặc 7.

VIC báo lãi quý 1 gần 2,454 tỷ đồng, tăng trưởng 17%

Tập đoàn Vingroup (HOSE: VIC) đã công bố BCTC hợp nhất quý 1/2022 với lãi ròng tăng trưởng 17% so với cùng kỳ năm trước.
Tổng doanh thu thuần hợp nhất của VIC trong quý 1 đạt 18,229 tỷ đồng, giảm 21.7% so với cùng kỳ năm trước. Theo VIC, nếu điều chỉnh cộng lại doanh thu từ các giao dịch bán lô lớn bất động sản được ghi nhận trong thu nhập tài chính, doanh thu thuần hợp nhất đạt 25,145 tỷ đồng, tăng 0.4% so với cùng kỳ năm trước.
Lợi nhuận trước thuế trong quý 1 năm 2022 đạt 1,928 tỷ đồng, và lợi nhuận sau thuế cổ đông Công ty mẹ đạt 2,454 tỷ đồng, tăng 17% so cùng kỳ.

Nam Việt báo lãi ròng quý 1 hơn 200 tỷ đồng

Mặc dù chi phí vận chuyển, chi phí cước tàu ở mức cao nhưng nhờ sản lượng và giá bán tăng mạnh đã giúp cho lãi ròng quý 1 của CTCP Nam Việt (HOSE: ANV) tăng đột biến lên gần 207 tỷ đồng, gấp 3 lần cùng kỳ.

Cao su Đà Nẵng: Dự án mở rộng nhà máy radial sẽ hoàn thành vào quý II/2024, thời gian hoàn vốn 5 năm

Doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu năm 2022 tương đương thực hiện năm trước và lợi nhuận giảm 12%.
Dự án mở rộng nhà máy sản xuất lốp xe tải radial nâng công suất từ 600.000 lốp lên 1 triệu lốp/năm, tổng mức đầu tư 916 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào quý II/2024.

Masan Group tham vọng có 30.000 cửa hàng Mini Mall đến năm 2025

Mô hình Mini Mall thử nghiệm mang lại kết quả khả quan và tập đoàn sẽ nhân rộng trên toàn bộ cửa hàng WinMart/WinMart+ hiện có cũng như mở thêm.
Masan Group đặt mục tiêu mở 30.000 cửa hàng Mini Mall trên toàn quốc cho đến 2025, gồm 10.000 điểm bán offline và 20.000 điểm bán nhượng quyền.

TIN DOANH NGHIỆP

Tính đến ngày 27/4/2022, 765/1702 doanh nghiệp và ngân hàng niêm yết (chiếm 39,2% tổng giá trị vốn hóa trên HOSE, HNX và UPCoM) đã có báo cáo chính thức hoặc ước tính về KQKD cho Q1/2022, trong đó bao gồm 18/27 ngân hàng và 704/1594 doanh nghiệp Phi tài chính. Lợi nhuận sau thuế duy trì đà tăng tốt trong quý 1/2022, +63% so với cùng kỳ và +30% so với quý 4/2021 trong đó lợi nhuận của 18/27 Ngân hàng tăng 53% và 704/1594 DN Phi tài chính tăng +76%. Kết quả một số doanh nghiệp công bố trong tuần

| Ngành | Mã | Doanh thu | | Lợi nhuận | |
|----------------|------|-----------|----------------------|-----------|----------------------|
| | | Q1/2022 | Tăng/giảm so cùng kỳ | Q1/2022 | Tăng/giảm so cùng kỳ |
| Bất động sản | DRH | 10.9 | 126.7% | 17.3 | 117.6% |
| | CRE | 1,942.0 | -4.8% | 141.88 | 15.6% |
| | TDC | 137.0 | -32.8% | -110 | -1221.9% |
| | TDH | 19.8 | -93.8% | 59.5 | 112.5% |
| | BCG | 1,252.9 | 97.7% | 522.3 | 221.0% |
| | VIC | 18,229.0 | -21.7% | 2454 | 17.0% |
| | HUT | 240.0 | 1.3% | 88.21 | 359.5% |
| Tiện ích | REE | 2,045.4 | 72.9% | 955.4 | 102.5% |
| Cảng biển | GMD | 879.9 | 28.0% | 319.2 | 85.8% |
| | HAH | 652.5 | 81.7% | 262.68 | 207.2% |
| Hàng tiêu dùng | MSN | 18,189.0 | -8.9% | 1895 | 452.9% |
| | DGW | 7,008.7 | 40.0% | 210.8 | 97.2% |
| | SAB | 7,306.4 | 24.7% | 1236.22 | 25.3% |
| | BBC | 302.0 | -10.2% | 131 | 1653.9% |
| | DQC | 208.3 | 9.7% | 8.94 | 16.0% |
| Viễn thông | FOX | 3,471.0 | 18.7% | 560 | 21.0% |
| | GEX | 8,645.0 | 95.9% | 694 | 138.2% |
| Nhựa | AAA | 4,027.7 | 76.4% | 96.5 | 7.8% |
| Nông nghiệp | HAG | 802.6 | 201.9% | 257.99 | 476.6% |
| Vận tải | PVT | 2,022.0 | 17.8% | 194.0 | 11.6% |
| Phân bón | DCM | 4,074.8 | 117.6% | 1,517.6 | 901.0% |
| Ngân hàng | ACB | | | 4,114.0 | 32.5% |
| | NAB | | | 645.0 | 40.0% |
| | MBB | | | 5,910.0 | 29.0% |
| | PRE | | | 51.0 | 59.2% |
| | OCB | | | 1,115.0 | 9.2% |
| | LPB | | | 1,795.0 | 61.0% |
| | MSB | | | 1,495.0 | 30.0% |
| VLXD | HPG | 44,400.0 | 42.4% | 8,200 | 17.0% |
| Thủy sản | ANV | 1,219.0 | 72.7% | 207.0 | 223.8% |
| | IDI | 1,871.0 | 36.6% | 201.4 | 853.8% |
| | ASM* | 822.0 | 0.0% | 141.0 | 149.1% |



HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SBT | 6,216,400 | VHM | (8,111,200) |
| 2 | NLG | 5,916,500 | DXG | (3,780,800) |
| 3 | HDB | 3,364,900 | NVL | (2,078,872) |
| 4 | PVD | 3,094,900 | VND | (1,979,500) |
| 5 | VRE | 2,816,400 | KBC | (1,978,000) |

HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PVS | 945,399 | MBG | (627,200) |
| 2 | TVD | 207,300 | SHS | (453,100) |
| 3 | TA9 | 163,200 | IDC | (204,300) |
| 4 | PVI | 142,500 | IDJ | (125,100) |
| 5 | HOM | 130,400 | VCS | (46,000) |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| HPG | 43.80 | 43.30 | ↓ -1.14% | 10,050,464 |
| VPB | 36.80 | 36.70 | ↓ -0.27% | 9,370,447 |
| FLC | 6.62 | 8.82 | ↑ 33.23% | 8,513,550 |
| ROS | 4.00 | 5.31 | ↑ 32.75% | 7,675,780 |
| HAG | 9.80 | 10.20 | ↑ 4.08% | 7,177,500 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| PVS | 23.70 | 24.60 | ↑ 3.80% | 44,942,819 |
| NVB | 37.60 | 38.80 | ↑ 3.19% | 42,034,365 |
| KLF | 3.70 | 5.10 | ↑ 37.84% | 31,987,656 |
| CEO | 38.10 | 41.20 | ↑ 8.14% | 25,515,338 |
| SHS | 20.50 | 19.40 | ↓ -5.37% | 22,890,756 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| FLC | 6.62 | 8.82 | 2.2 | ↑ 33.23% |
| ROS | 4.00 | 5.31 | 1.3 | ↑ 32.75% |
| AMD | 3.81 | 4.94 | 1.1 | ↑ 29.66% |
| HAI | 3.57 | 4.57 | 1.0 | ↑ 28.01% |
| LCM | 4.05 | 5.15 | 1.1 | ↑ 27.16% |

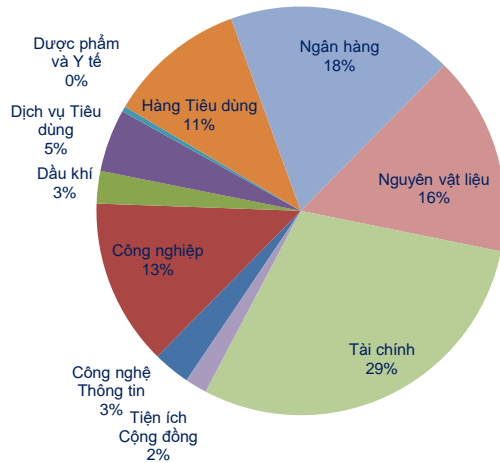
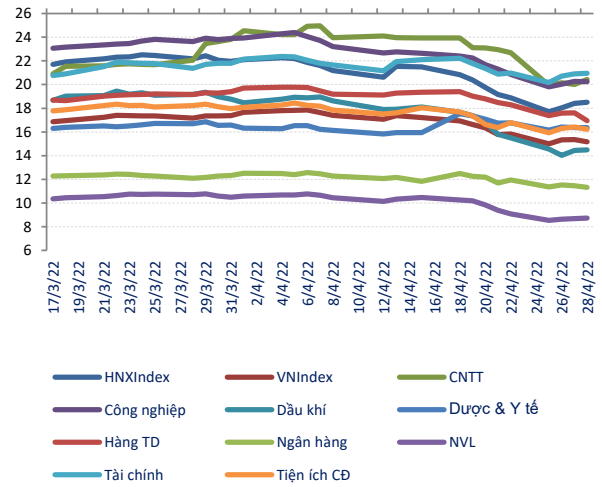
| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| ART | 4.90 | 7.30 | 2.4 | ↑ 48.98% |
| C92 | 4.80 | 6.80 | 2.0 | ↑ 41.67% |
| OCH | 10.10 | 14.30 | 4.2 | ↑ 41.58% |
| SD2 | 7.00 | 9.90 | 2.9 | ↑ 41.43% |
| KLF | 3.70 | 5.10 | 1.4 | ↑ 37.84% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| DTA | 16.00 | 13.90 | -2.1 | ↓ -13.13% |
| PNC | 10.00 | 8.81 | -1.2 | ↓ -11.90% |
| GMC | 24.20 | 21.60 | -2.6 | ↓ -10.74% |
| DMC | 59.70 | 54.30 | -5.4 | ↓ -9.05% |
| TMT | 21.40 | 19.50 | -1.9 | ↓ -8.88% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| SDG | 36.10 | 26.50 | -9.6 | ↓ -26.59% |
| ATS | 23.10 | 17.00 | -6.1 | ↓ -26.41% |
| PBP | 23.90 | 18.70 | -5.2 | ↓ -21.76% |
| SAF | 68.30 | 56.10 | -12.2 | ↓ -17.86% |
| DNM | 50.10 | 42.90 | -7.2 | ↓ -14.37% |

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| HPG | 10,050,464 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |
| VPB | 9,370,447 | 22.7% | 3,891 | 9.4 | 1.7 |
| FLC | 8,513,550 | 0.7% | 119 | 69.3 | 0.6 |
| ROS | 7,675,780 | 1.6% | 168 | 29.6 | 0.5 |
| HAG | 7,177,500 | 10.1% | 531 | 18.9 | 1.9 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-----------|-----|
| PVS | 44,942,819 | 4.7% | 1,258 | 18.7 | 0.9 |
| NVB | 42,034,365 | 0.0% | 0 | 101,226.8 | 3.7 |
| KLF | 31,987,656 | 0.4% | 37 | 132.2 | 0.5 |
| CEO | 25,515,338 | 2.7% | 362 | 108.6 | 2.9 |
| SHS | 22,890,756 | 25.5% | 2,578 | 7.4 | 1.2 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-----|-------|-----|
| FLC | ↑ 33.2% | 0.7% | 119 | 69.3 | 0.6 |
| ROS | ↑ 32.8% | 1.6% | 168 | 29.6 | 0.5 |
| AMD | ↑ 29.7% | 0.6% | 75 | 61.8 | 0.4 |
| HAI | ↑ 28.0% | 0.3% | 37 | 115.5 | 0.4 |
| LCM | ↑ 27.2% | -0.3% | -24 | - | 0.5 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|------|-------|-----|
| ART | ↑ 49.0% | 3.0% | 350 | 19.2 | 0.6 |
| C92 | ↑ 41.7% | 1.7% | 194 | 35.0 | 0.6 |
| OCH | ↑ 41.6% | -3.6% | -309 | - | 1.6 |
| SD2 | ↑ 41.4% | 7.1% | 838 | 10.7 | 0.7 |
| KLF | ↑ 37.8% | 0.4% | 37 | 132.2 | 0.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| SBT | 6,216,400 | 9.4% | 1,276 | 14.3 | 1.4 |
| NLG | 5,916,500 | 5.7% | 1,979 | 23.3 | 1.4 |
| HDB | 3,364,900 | 21.8% | 3,029 | 8.3 | 1.6 |
| PVD | 3,094,900 | 0.1% | 39 | 504.5 | 0.6 |
| VRE | 2,816,400 | 3.0% | 401 | 74.5 | 2.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 945,399 | 4.7% | 1,258 | 18.7 | 0.9 |
| TVD | 207,300 | 19.9% | 2,295 | 6.6 | 1.2 |
| TA9 | 163,200 | 12.9% | 1,579 | 10.9 | 1.4 |
| PVI | 142,500 | 11.4% | 3,856 | 13.1 | 1.5 |
| HOM | 130,400 | 0.2% | 26 | 341.7 | 0.7 |

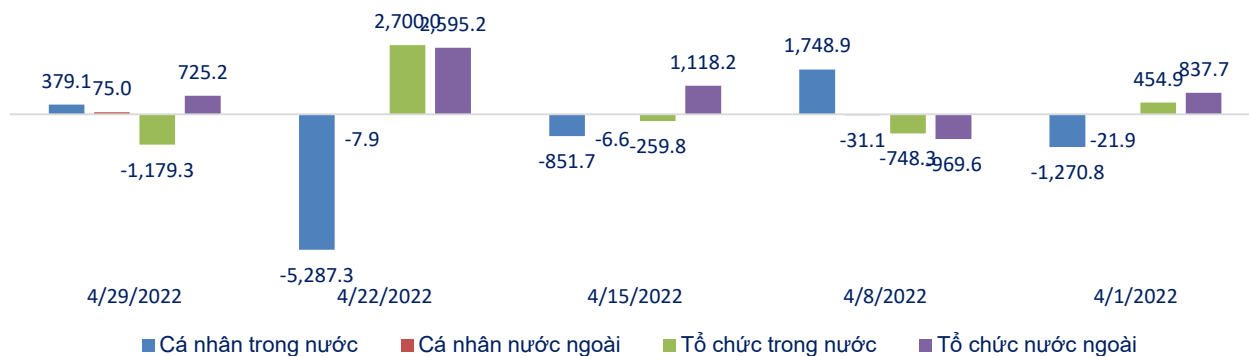
Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 385,700 | 21.6% | 4,632 | 17.6 | 2.8 |
| VIC | 297,106 | -1.7% | -650 | - | 1.9 |
| VHM | 280,857 | 35.2% | 8,991 | 7.2 | 2.1 |
| GAS | 206,132 | 17.1% | 4,531 | 23.8 | 3.9 |
| HPG | 192,783 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|-----------|-----|
| THD | 40,250 | 21.8% | 2,805 | 41.0 | 6.4 |
| KSF | 33,210 | 9.0% | 1,373 | 80.6 | 5.6 |
| NVB | 21,437 | 0.0% | 0 | 101,226.8 | 3.7 |
| IDC | 16,470 | 9.6% | 1,514 | 36.3 | 3.5 |
| VCS | 16,432 | 40.6% | 11,096 | 9.3 | 3.4 |

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 497.31 | 35.2% | 8,991 | 7.2 | 2.1 |
| DIG | 431.54 | 15.8% | 2,279 | 27.1 | 4.0 |
| VPB | 390.73 | 22.7% | 3,891 | 9.4 | 1.7 |
| HPG | 242.28 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |
| NVL | 180.64 | 8.8% | 1,691 | 48.3 | 3.8 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| VIC | -79.29 | -1.7% | (650) | - | 1.9 |
| CII | -64.35 | -4.1% | (1,385) | - | 0.7 |
| DPM | -63.21 | 49.4% | 12,931 | 5.1 | 2.1 |
| VRE | -59.87 | 3.0% | 401 | 74.5 | 2.2 |
| DCM | -57.01 | 26.4% | 3,444 | 11.0 | 2.2 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| DPM | 3.59 | 49.4% | 12,931 | 5.1 | 2.1 |
| SSI | 2.71 | 13.0% | 1,335 | 25.1 | 2.2 |
| FRT | 2.28 | 30.6% | 5,618 | 26.6 | 7.0 |
| TTF | 2.17 | 0.0% | (27) | - | - |
| DXG | 1.93 | 10.3% | 1,936 | 18.4 | 1.6 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DVP | -3.08 | 21.2% | 6,996 | 8.4 | 1.7 |
| NVL | -3.00 | 8.8% | 1,691 | 48.3 | 3.8 |
| STB | -1.66 | 10.8% | 1,855 | 14.9 | 1.5 |
| SKG | -1.63 | -4.3% | (558) | - | 1.4 |
| DGW | -1.34 | 45.9% | 8,616 | 15.7 | 6.1 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| HPG | 63.31 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |
| VIC | 59.68 | -1.7% | (650) | - | 1.9 |
| CII | 55.52 | -4.1% | (1,385) | - | 0.7 |
| TCB | 41.82 | 21.0% | 5,457 | 7.8 | 1.5 |
| MSN | 35.95 | 27.9% | 7,044 | 16.5 | 4.5 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| DIG | -145.15 | 15.8% | 2,279 | 27.1 | 4.0 |
| GEX | -127.00 | 5.5% | 1,364 | 20.0 | 1.1 |
| KBC | -126.79 | 5.8% | 1,582 | 27.2 | 1.6 |
| DGC | -125.13 | 58.0% | 20,107 | 11.3 | 5.1 |
| DXG | -86.92 | 10.3% | 1,936 | 18.4 | 1.6 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| DPM | 90.72 | 49.4% | 12,931 | 5.1 | 2.1 |
| GEX | 84.75 | 5.5% | 1,364 | 20.0 | 1.1 |
| KBC | 61.02 | 5.8% | 1,582 | 27.2 | 1.6 |
| DCM | 52.01 | 26.4% | 3,444 | 11.0 | 2.2 |
| NLG | 43.43 | 5.7% | 1,979 | 23.3 | 1.4 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| DGC | -136.48 | 58.0% | 20,107 | 11.3 | 5.1 |
| SSI | -79.22 | 13.0% | 1,335 | 25.1 | 2.2 |
| HPG | -39.67 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |
| VND | -33.23 | 12.3% | 478 | 63.6 | 1.5 |
| MSN | -26.81 | 27.9% | 7,044 | 16.5 | 4.5 |



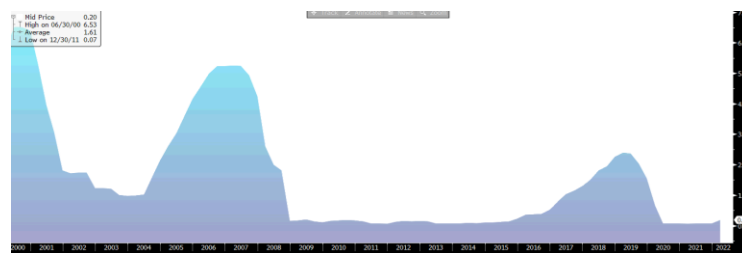
| Ngày thông báo | Ngày thực hiện | Ngày ĐKCC | Ngày GDKHQ | Mã CK | Loại sự kiện |
|----------------|----------------|-----------|------------|------------|----------------------------|
| 25/1/2021 | 29/4/2022 | 29/4/2022 | 29/4/2022 | TVB | Niêm yết thêm |
| 26/1/2022 | 29/4/2022 | 25/2/2022 | 24/2/2022 | CMC | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 17/2/2022 | 29/4/2022 | 15/3/2022 | 14/3/2022 | DT4 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 15/3/2022 | 29/4/2022 | 28/3/2022 | 25/3/2022 | VCB | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 22/2/2022 | 29/4/2022 | 21/3/2022 | 18/3/2022 | DAE | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 24/2/2022 | 29/4/2022 | 18/3/2022 | 17/3/2022 | VMD | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 24/2/2022 | 29/4/2022 | 10/3/2022 | 9/3/2022 | HUT | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 28/2/2022 | 29/4/2022 | 16/3/2022 | 15/3/2022 | TV3 | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 1/3/2022 | 29/4/2022 | 18/3/2022 | 17/3/2022 | BT1 | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 8/3/2022 | 29/4/2022 | 21/3/2022 | 18/3/2022 | MKP | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 14/3/2022 | 29/4/2022 | 25/3/2022 | 24/3/2022 | HU4 | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 14/3/2022 | 29/4/2022 | 30/3/2022 | 29/3/2022 | VTZ | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 4/3/2022 | 29/4/2022 | 15/3/2022 | 14/3/2022 | CMS | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 8/3/2022 | 29/4/2022 | 31/3/2022 | 30/3/2022 | ITC | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 9/3/2022 | 29/4/2022 | 30/3/2022 | 29/3/2022 | MSH | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 8/3/2022 | 29/4/2022 | 25/3/2022 | 24/3/2022 | V21 | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 9/3/2022 | 29/4/2022 | 16/3/2022 | 15/3/2022 | TDB | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 8/3/2022 | 29/4/2022 | 22/3/2022 | 21/3/2022 | BID | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 2/3/2022 | 29/4/2022 | 30/3/2022 | 29/3/2022 | NDX | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 8/3/2022 | 29/4/2022 | 25/3/2022 | 24/3/2022 | DCR | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 8/3/2022 | 29/4/2022 | 28/3/2022 | 25/3/2022 | CRV | Đại hội Cổ đông Bất thường |
| 11/3/2022 | 29/4/2022 | 29/3/2022 | 28/3/2022 | DBC | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 11/3/2022 | 29/4/2022 | 24/3/2022 | 23/3/2022 | POB | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 11/3/2022 | 29/4/2022 | 28/3/2022 | 25/3/2022 | SCO | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 11/3/2022 | 29/4/2022 | 30/3/2022 | 29/3/2022 | XPB | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 12/3/2022 | 29/4/2022 | 5/4/2022 | 4/4/2022 | CCM | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 11/3/2022 | 29/4/2022 | 28/3/2022 | 25/3/2022 | VLW | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 14/3/2022 | 29/4/2022 | 29/3/2022 | 28/3/2022 | LM8 | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 12/3/2022 | 29/4/2022 | 31/3/2022 | 30/3/2022 | HLG | Đại hội Đồng Cổ đông |
| 9/3/2022 | 29/4/2022 | 30/3/2022 | 29/3/2022 | BFC | Đại hội Đồng Cổ đông |



3/5 - 4/5: Hội Ủy Ban Thị trường mở (FOMC) về chính sách lãi suất

Theo Bộ Lao động Mỹ, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tăng 8,5% trong 12 tháng. Đây là tháng thứ 6 liên tiếp, CPI hằng năm tại Mỹ ở mức trên 6% và CPI tháng 3 ghi nhận mức tăng cao nhất kể từ tháng 12/1981, vượt xa mức mục tiêu 2% mà FED đề ra. Trước diễn biến lạm phát tăng nhanh, FED được dự báo sẽ đưa ra quyết định tăng lãi suất nhanh hơn với mức tăng 50 điểm cơ bản trong phiên họp tới.

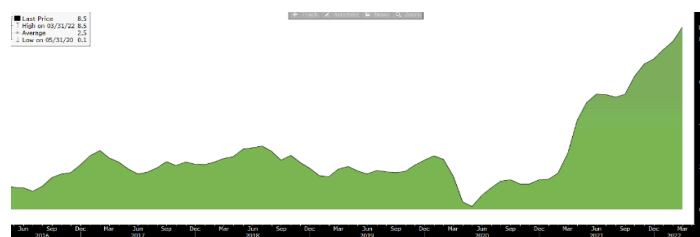
Lãi suất Fed Fund Rate (2000 - 2022)



Nguồn: Bloomberg

Ngày 16/3/2022, Fed đã quyết định tăng 0,25 điểm phần trăm lãi suất cơ bản, nâng biên độ lãi suất của FED lên mức 0,25% - 0.5% sau 3 năm duy trì lãi suất cơ bản cố định gần mức 0%. Dự kiến trong năm 2022 sẽ có 6 đợt nâng lãi suất và 3 đợt trong năm 2023 với mức

CPI Mỹ (1982 - 2022)



Nguồn: Bloomberg



4/5: S&P Global công bố PMI ngành sản xuất tháng 5 của Việt Nam



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn